TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-ST
Ngày: 05-4-2023
Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;

2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2021 về việc "Kiện đòi tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Ng đơn:* Bà Võ Hồng Ng, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 041, tổ 2, khu phố H, phường V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Trần Bảo A, sinh năm 1988 Bà Trần Thị Anh Th, sinh năm 1994; địa cùng địa chỉ liên hệ: Số 600, đường T, phường M, thành phố M, tỉnh Bình Dương (theo giấy ủy quyền ngày 20/5/2021); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phan Mỹ H, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: Số 18/1, tổ 1, khu phố H, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tạm trú: NT Nguyễn Thị Lệ D, số 11, khu phố H, phường L, thành phố A, tỉnh Bình Dương*;* có mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Đoàn Tấn D, sinh năm 1974; địa chỉ: 2A/2, khu phố 1, phường H, thành phố A, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

4.2. Ông Bùi Tấn V, sinh năm 1973; địa chỉ: 28/B7, khu phố 2, phường G, thành phố A, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

4.3. Ông Bùi Tấn Ph, sinh năm 1979; địa chỉ: 28/B7, khu phố 2, phường G, thành phố A, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

4.4. Bà Lê Thị P, sinh năm 1936; địa chỉ: khu 9, thị trấn T, huyện P, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

4.5. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; địa chỉ: tổ 3/93, khu phố H, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

4.6. Ông Nguyễn Tấn Th; địa chỉ: 22, tổ 1, khu phố H, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà đại diện Nguyên đơn ông Trần Bảo A và bà Trần Thị Anh Th thống nhất trình bày: Thống nhất với kết quả giám định tại bản Kết luận gíam định số 3397/1/KL-KTHS ngày 11/7/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh và Kết luận giám định số 3397/KL-KTHS ngày 13/7/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ Công an.

Bà Võ Hồng Ng và bà Phan Mỹ H có mối quan hệ quen biết với nhau trong cuộc sống. Ngày 03/3/2011, bà Ng cho bà H mượn số tiền 300.000.000 đồng *(ba trăm triệu đồng)*, với mục đích để bà H làm ăn; việc vay mượn được lập thành văn bản "Giấy mượn tiền" ngày 03/3/2011; chữ viết trong giấy mượn tiền là do bà Ng viết; sau đó bà H ký tên và lăn tay tại mục Bên mượn.

Ngày 25/4/2011, bà H tiếp tục mượn của bà Ng số tiền 60.000.000 đồng *(sáu mươi triệu đồng)*; việc vay mượn được lập thành văn bản "Giấy mượn tiền" ngày 25/4/2011; chữ viết trong giấy mượn tiền là do bà Ng viết; sau đó bà H ký tên và lăn tay tại mục Bên mượn. Trong lần mượn tiền này, bà H có đưa cho bà Ng 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 963108, số vào sổ H03146 ngày 02/3/2009 đứng tên hộ ông Phan Văn N để làm tin, nhưng do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải do bà H đứng tên nên bà Ng không đồng ý; lúc này bà H có đưa ông N đến gặp bà Ng, khi đó ông N có nói bà Ng cho bà H mượn tiền, ông N đồng ý đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà Ng giữ làm tin, nếu bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông sẽ chịu trách nhiệm. Tin lời ông N và bà H nên bà Ng đồng ý cho mượn tiền và giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO963108.

Ngày 20/6/2011, bà H tiếp tục mượn bà Ng số tiền 640.000.000 đồng. Việc vay mượn được lập thành văn bản "Giấy mượn tiền" ngày 20/6/2011; nội dung là bà Phan Mỹ H mượn của bà Ng số tiền 1.000.000.000 đồng (trong đó bao gồm cả 02 lần mượn tiền ngày 03/3/2011 và ngày 25/4/2011). Bà H cam kết sẽ hoàn trả cho bà Ng tất cả số tiền đã mượn vào đầu năm 2012.

Như vậy, tổng số tiền bà H đã mượn bà Ng 03 lần là 1.000.000.000 đồng *(một tỷ đồng)*. Bà Ng đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H hẹn lần hẹn lượt không chịu trả.

Tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của Ng đơn yêu cầu bị đơn bà Phan Mỹ H có nghĩa trả cho bà Võ Hồng Ng số tiền 1.000.000.000 đồng *(một tỷ đồng)*. Đối với bản gốc (chính) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO963108 thì đã được Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên giải quyết tại Bản án số dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 16/11/2021.

Bị đơn bà Phan Mỹ H trình bày: Bà H đăng ký hộ khẩu thường trú tại: số nhà 18/1, tổ 1, khu phố H, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, đến năm 2016 bà H kết hôn nên chuyển về sinh sống tại địa chỉ gia đình chồng tại: số 11, khu phố H, phường L, thành phố A, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Bà H yêu cầu Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên tiếp tục thụ lý giải quyết vụ án theo địa chỉ thường trú của bà H mà không chuyển vụ án đến Toà án thành phố A.

Bà H không đồng ý với kết quả giám định tại bản Kết luận giám định số 3397/1/KL-KTHS ngày 11/7/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh và Kết luận giám định số 3397/KL-KTHS ngày 13/7/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ Công an nhưng không đồng ý nộp đơn yêu cầu giám định lại với lý do bà H yêu cầu được tiếp cận 03 bản gốc (chính) Giấy mượn tiền mà bà Ng đang giữ để làm căn cứ khởi kiện bà.

Bà H và bà Ng có mối quan hệ quen biết với nhau, bà Ng là người cho người khác vay mượn tiền, bà H là người đi đòi nợ cho bà Ng, đồng thời là người giới thiệu người có nhu cầu vay tiền đến cho bà Ng với mục đích là nhận được một khoản tiền huê hồng (tức là tiền cò). Bà H bắt đầu làm việc cho bà Ng từ giữa năm 2010 đến khoảng giữa năm 2012. Trong thời gian này bà H đã giới thiệu tất cả 07 người có nhu cầu vay tiền đến cho bà Ng. Bà H là người trực tiếp nhận tiền từ bà Ng và sau đó đưa lại cho người đến vay; giữa bà H và những người này đều lập thành văn bản vay mượn (cụ thể là: Giấy mượn tiền giữa bà Phan Mỹ H với ông Đoàn Tiến D ngày 08/01/2011; Giấy mượn tiền giữa bà Phan Mỹ H với ông Nguyễn Thanh T không ghi ngày, tháng, năm; Giấy mượn tiền giữa bà Phan Mỹ H với ông Đoàn Tiến D ngày 19/02/2011; Giấy mượn tiền giữa bà Phan Mỹ H với ông Bùi Tấn Ph ngày 22/9/2011; Giấy mượn tiền giữa bà Phan Mỹ H với ông Bùi Tấn V ngày 11/5/2011). Để làm tin cho các khoản tiền vay thì những người này có giao bản chính (gốc) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện bà Ng đang giữ; còn bản chính (gốc) các Giấy mượn tiền nêu trên thì bà H đang giữ. Do sợ những người đến vay tiền không trả nên mỗi lần có ai đến vay tiền thì bà Ng yêu cầu bà H đứng tên cho vay chứ bà Ng không đứng tên cho họ vay; những người này vay bao nhiêu tiền thì bà Ng viết giấy nợ rằng bà H mượn tiền bà Ng. Hiện tại, bà H vẫn chưa nộp đơn khởi kiện đối với những người này vì hoàn cảnh gia đình họ rất khó khăn và bà Ng cũng biết rất rõ.

Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng *(một tỷ đồng)* mà bà Ng khởi kiện đòi bà H trả, tuy nhiên tiền gốc chỉ là 868.000.000 đồng *(tám trăm sáu mươi tám*

triệu); còn lại là tiền lãi với lãi suất là 6%/ tháng là 132.000.000 đồng *(một trăm ba mươi hai triệu đồng)*. Trong số tiền 1.000.000.000 đồng này thì bà H cũng có một phần, tuy nhiêu số tiền bao nhiêu thì bà H không xác định được. Bà H đồng ý trả cho bà Ng số tiền 1.000.000.000 đồng *(một tỷ đồng)* với điều kiện bà Ng phải đưa lại cho bà bản chính (gốc) các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Đoàn Tiến D, Bùi Tấn V, Nguyễn Thị B, Lê Thị Ph, Nguyễn Anh D, Nguyễn Thanh T là Lý Thị R để bà đi đòi nợ họ. Đồng thời, bà Ng cũng phải có trách nhiệm cùng bà H đi thu hồi nợ. Nếu bà Ng không đồng ý thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

+ Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ng đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền vay tổng cộng là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Chứng cứ Ng đơn xuất trình là các giấy vay tiền có chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của bị đơn. Bị đơn không thừa nhận chữ ký, chữ viết và dấu vân tay trên các Giấy vay tiền là của bị đơn và cho rằng do Ng đơn cắt dán chữ ký, dấu vân tay. Theo Kết luận giám định số 3397/1/KL-KTHS ngày 11/7/2022 và Kết luận giám định số 3397/KL-KTHS ngày 13/7/2022 của Phân viện KTHS tại TP. Hồ Chí Minh thì dấu vân tay và chữ ký, chữ viết trong các tài liệu giám định là của cùng một người. Do đó, có căn cứ cho rằng bị đơn là người thực hiện các giao dịch vay tiền trên với Nguyên đơn. Đối với nội dung bị đơn trình bày chỉ là người môi giới giúp Nguyên đơn cho vay tiền, bị đơn có cung cấp các giấy vay tiền nhưng người đứng tên cho vay là bị đơn, do đó nếu có tranh chấp về số tiền vay với những người đi vay, bị đơn có thể khởi kiện bằng một vụ án khác. Do đó, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ng đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: căn cứ yêu cầu của Ng đơn bà Võ Hồng Ng về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Mỹ H trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng *(một tỷ đồng),* Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là Kiện đòi tài sản theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc có mặt của các đương sự: những người làm chứng đã được Toà án triệp tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người làm chứng.

[3] Về nội dung: Ng đơn bà Võ Hồng Ng kiện đòi bị đơn bà Phan Mỹ H trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng *(một tỷ đồng)* theo các Giấy mượn tiền ngày 03/3/2011, ngày 25/4/2011 và ngày 20/6/20211. Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Tại Giấy mượn tiền ngày 20/6/2011, có nội dung:

" Tôi tên là: Phan Mỹ H, sinh năm 1982

CMND số: 280779118 do Công an BD cấp ngày 09.12.09

Địa chỉ: thị trấn Tân Phước Khánh – Tân Uyên – Bình Dương

Có đến nhà của Võ Hồng Ng, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương

1/ Để mượn: 1.000.000.000 (một tỷ đồng)

2/ Thời hạn mượn: từ ngày 20 tháng 6 năm 2011 đến ngày ... tháng 01 năm 2012.

3/ Lãi suất: .....

4/ Phần tiền gốc (số tiền mượn) sẽ trả một lần khi đến kỳ hạn ...".

Tại mục "Bên mượn" của Giấy mượn tiền có chữ ký, họ tên bà Phan Mỹ H. Các Giấy mượn tiền ngày 03/3/2011 (đối với số tiền 300.000.000 đồng) và ngày 25/4/2011 (đối với số tiền 60.000.000 đồng) thì tại mục Bên mượn của Giấy mượn tiền đều có chữ ký, họ tên và dấu vân tay của bà Phan Mỹ H. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Mỹ H không thừa nhận giữa bà và bà Võ Hồng Ng có việc vay mượn tiền; dấu vân tay, chữ ký và họ tên tại các "Giấy mượn tiền" ngày 03/3/2011, ngày 25/4/2011 và ngày 20/6/20211 không phải của bà. Tuy nhiên, theo bản Kết luận giám định số 3397/1/KL-KTHS ngày 11/7/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: *"04 (bốn) dấu vân tay dưới mục "Bên mượn" ghi họ tên Phan Mỹ H trên 02 "giấy mượn tiền" ngày 03/3/2011 và ngày 25/4/2011 với dấu vân tay ghi họ tên Phan Mỹ H trên các mẫu so sánh là dấu vân tay của cùng một người"* và Kết luận giám định số 3397/KL-KTHS ngày 13/7/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ Công an, kết luận: *"Chữ ký đứng tên Phan Mỹ H, chữ viết "Phan Mỹ H" dưới mục "BÊN MƯỢN" trên 03 tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phan Mỹ H trên 02 tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra"*. Như vậy, ý kiến trình bày của bị đơn là không có căn cứ.

[3.2] Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn đồng ý trả cho Nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng *(một tỷ đồng)* với điều kiện Nguyên đơn phải giao trả lại cho bị đơn bản chính (gốc) các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Đoàn Tiến D, Bùi Tấn V, Nguyễn Thị B, Lê Thị Ph, Nguyễn Anh D, Nguyễn Thanh T và Lý Thị R. Tuy nhiên, bị đơn không có bất kỳ chứng cứ nào chứng minh việc Nguyên đơn đang lưu giữ bản chính (gốc) các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Trong khi đó người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn cũng không thừa nhận việc Nguyên đơn đang lưu giữ bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như bị đơn đã trình bày.

[3.3] Theo các "Giấy mượn tiền" ngày 03/3/2011, ngày 25/4/2011 và ngày 20/6/20211 thì tổng số tiền vay là 1.360.000.000 đồng. Tuy nhiên, Nguyên đơn cho rằng số tiền bị đơn vay lần cuối vào ngày 20/6/2011 là 640.000.000 đồng, cộng với 02 lần vay trước (ngày 03/3/2011 và ngày 25/4/2011) nên đã lập "Giấy mượn tiền" ngày 20/6/2011 với tổng số tiền vay 1.000.000.000 đồng, là phù hợp và có lợi cho bị đơn.

[3.4] Như đã phân tích tại [3.1], [3.2] và [3.3] có căn cứ xác định bị đơn bà Phan Mỹ H là người thực hiện các giao dịch vay tiền như trên với Nguyên đơn bà Võ Hồng Ng. Do đó, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc bị đơn trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng *(một tỷ đồng)* là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với bản chính (gốc) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 963108, số vào sổ H 03146 ngày 02/3/2009 đứng tên hộ ông Phan Văn N đã được giải quyết tại Bản án số dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 16/11/2021 của Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Đối với nội dung bị đơn trình bày chỉ là người môi giới giúp Nguyên đơn cho vay tiền, bị đơn có cung cấp các giấy vay tiền nhưng người đứng tên cho vay là bị đơn, do đó nếu có tranh chấp về số tiền vay với những người đi vay, bị đơn có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ng đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về chi phí giám định: Chi phí giám định là 6.000.000 đồng *(sáu triệu đồng);* Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 6.000.000 đồng *(sáu triệu đồng).* Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn phải nộp số tiền 6.000.000 đồng *(sáu triệu đồng)* để trả lại cho Nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 26, 35, 39, 92, 147, 217, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 161, 166, 357, 463, 466, và 468 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ng đơn bà Võ Hồng Ng đối với bị đơn bà Phan Mỹ H về việc "Kiện đòi tài sản".

Buộc bà Phan Mỹ H có trách nhiệm trả cho bà Võ Hồng Ng số tiền là 1.000.000.000 đồng *(một tỷ đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Trả lại bà Võ Hồng Ng số tiền 21.000.000 đồng *(hai mươi mốt triệu đồng)* đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0052503 ngày 03/6/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Phan Mỹ H phải chịu 42.000.000 đồng *(bốn mươi hai triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí giám định: Bà Phan Mỹ H phải nộp số tiền 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*) để trả lại cho bà Võ Hồng Ng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Lê